

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 đã được soát xét bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT – CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5 - 6
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	7 – 52
<i>Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026</i>	<i>7 – 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026</i>	<i>12 – 13</i>
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026</i>	<i>14 – 51</i>
<i>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	<i>52</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DHM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DHM tiền thân là Công ty TNHH Thương mại Dương Hiếu, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600341471 đăng ký lần đầu do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 30 tháng 06 năm 2003.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 37 lần thay đổi đăng ký kinh doanh. Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 37 được Sở Tài chính Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 11 tháng 05 năm 2026.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 37: 345.356.990.000 VND.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026: 345.356.990.000 VND.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên.
Email : info@dhmjsc.vn
Website : <https://dhmjsc.vn/>
Điện thoại : 0208 3832 410
Fax : 0208 3835 942
Mã số thuế : 4 6 0 0 3 4 1 4 7 1

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh giữa niên độ

Tình hình tài chính giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này từ trang 07 đến trang 52.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2026 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Hồ Việt Cường	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên	
Bà Lê Thị Hồng Loan	Thành viên HĐQT độc lập	
Ông Trần Văn Hiếu	Thành viên	
Bà Hoàng Thị Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2026
Ông Ngô Quang Phúc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Ngọc Hân	Trưởng ban	
Bà Phạm Thanh Hương	Thành viên	
Bà Phạm Thị Tươi	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Dung	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	

Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	Kế toán trưởng	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại Hà Nội đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật chứng khoán sửa đổi số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các thông tư, nghị định hướng dẫn thi hành, công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lông Giám đốc



Nguyễn Thị Dung

Số : 1806.02.01/2026 /BCTC-NTVHN

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Kính gửi : **Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DHM

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DHM, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2026 từ trang 07 đến trang 52, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DHM chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam số 2410 - Chuẩn mực về hợp đồng dịch vụ soát xét; soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DHM tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT – CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

Phó Giám đốc



Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNT số: 4497-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		698.069.252.136	1.034.596.874.657
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	20.140.059.578	105.420.618.963
1. Tiền	111		20.140.059.578	105.420.618.963
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		172.204.862.472	217.598.504.154
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	88.208.895.568	88.155.950.483
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(10.584.387.883)	(10.344.728.983)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2b	94.580.354.787	139.787.282.654
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		406.363.988.857	687.763.497.949
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	269.846.707.920	555.418.621.286
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	115.918.432.237	17.270.296.583
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	30.920.222.331	125.395.953.711
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(10.321.373.631)	(10.321.373.631)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV Hàng tồn kho	140		98.205.313.553	23.440.522.430
1. Hàng tồn kho	141	V.7	98.205.313.553	23.440.522.430
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		1.155.027.676	373.731.161
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	1.100.463.049	372.589.216
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		53.422.682	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.17	1.141.945	1.141.945
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sáng, tỉnh Thái Nguyên

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		228.968.806.820	236.104.195.227
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		77.267.502.632	79.324.170.680
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	3.653.743.117	4.443.910.627
- Nguyên giá	222		20.786.657.307	20.786.657.307
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.132.914.190)	(16.342.746.680)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	73.613.759.515	74.880.260.053
- Nguyên giá	228		94.892.486.164	94.892.486.164
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.278.726.649)	(20.012.226.111)
III Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV Bất động sản đầu tư	240	V.11	29.818.880.792	30.140.985.374
- Nguyên giá	241		32.165.768.852	32.165.768.852
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.346.888.060)	(2.024.783.478)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		121.205.607.762	125.808.778.460
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		14.166.529.126	13.439.698.768
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.12	107.039.078.636	112.369.079.692
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.13	60.607.908	60.607.908
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		175.944.521	175.944.521
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(115.336.613)	(115.336.613)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	270		616.207.726	769.652.805
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	600.997.154	748.608.899
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.14	15.210.572	21.043.906
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		927.038.058.956	1.270.701.069.884

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		581.469.074.935	909.695.787.174
I. Nợ ngắn hạn	310		581.469.074.935	909.695.787.174
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	66.406.297.306	321.488.550.218
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	63.294.271.401	12.518.835.610
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.17	3.791.739.266	3.283.527.004
5. Phải trả người lao động	315		293.044.706	160.050.701
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.18	617.420.622	848.436.969
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	4.568.503.273
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.19	51.828.082	140.913.799.510
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.20	446.239.953.278	424.701.543.615
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	774.520.273	1.212.540.273
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339		-	-
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sáng, tỉnh Thái Nguyên

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		345.568.984.022	361.005.282.711
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	345.356.990.000	345.356.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		345.356.990.000	345.356.990.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		(143.500.000)	(143.500.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		355.494.022	15.791.792.711
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	420a		250.728.161	10.032.872.975
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		104.765.861	5.758.919.736
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		927.038.058.956	1.270.701.069.884


Lê Thị Mai Anh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Loan
Kế toán trưởng

Lập, ngày 04 tháng 08 năm 2026


 Nguyễn Thị Dung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.919.348.718.628	986.983.937.306
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	8.894.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.919.339.824.628	986.983.937.306
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.893.690.570.355	973.388.106.090
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.649.254.273	13.595.831.216
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	4.395.263.920	11.428.883.343
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	23.772.035.096	21.917.561.296
Trong đó: chi phí đi vay	24		15.600.103.655	14.871.091.440
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.271.452.639	995.038.287
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.082.184.394	5.321.114.158
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		918.846.064	(3.208.999.182)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	327.022.689	62.690.001
13. Chi phí khác	32	VI.8	755.479.022	21.869.332
14. Lợi nhuận khác	40		(428.456.333)	40.820.669
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		490.389.731	(3.168.178.513)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.9	379.790.536	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		5.833.334	5.833.334
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>104.765.861</u>	<u>(3.174.011.847)</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>3,03</u>	<u>(91,91)</u>
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>3,03</u>	<u>(91,91)</u>

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2026


Lê Thị Mai Anh
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hồng Loan
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Dung
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		490.389.731	(3.168.178.513)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		2.378.772.630	1.801.901.421
- Các khoản dự phòng	03		239.658.900	4.624.203.040
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(5.604.747.155)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(3.471.758.520)	(4.054.481.006)
- Chi phí đi vay	06		15.600.103.655	14.871.091.440
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.237.166.396	8.469.789.227
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		286.750.902.280	181.893.481.179
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(75.491.621.481)	(67.023.045.957)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(347.418.372.598)	3.604.085.248
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(580.262.088)	112.704.667
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(52.945.085)	(22.559.574.137)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(15.644.276.114)	(14.947.694.255)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.244.347.381)	(641.616.073)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(438.020.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(139.881.776.071)	88.908.129.899
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(74.814.814)	(746.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	20.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		45.553.169.893	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.125.516.494	2.025.798.107
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		48.603.871.573	1.299.798.107

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		813.496.363.371	706.357.530.076
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(791.957.953.708)	(799.051.009.813)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.541.064.550)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.997.345.113	(92.693.479.737)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(85.280.559.385)	(2.485.551.731)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	105.420.618.963	26.806.713.352
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	6.940.000.000
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	20.140.059.578	31.261.161.621


Lê Thị Mai Anh
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Hồng Loan
 Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Dung
 Tổng Giám đốc



Lập ngày 14 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DHM (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. **Khái quát về công ty:**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DHM tiền thân là Công ty TNHH Thương mại Dương Hiếu, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600341471 đăng ký lần đầu do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 30 tháng 06 năm 2003.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 37 lần thay đổi đăng ký kinh doanh. Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 37 được Sở Tài chính Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 11 tháng 05 năm 2026.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 37: 345.356.990.000 VND.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026: 345.356.990.000 VND.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên.

Email : info@dhmjsc.vn

Website : <https://dhmjsc.vn>

Điện thoại : 0208 3832 410

Fax : 0208 3835 942

Mã số thuế : 4 6 0 0 3 4 1 4 7 1

3. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại và dịch vụ

4. **Ngành nghề kinh doanh** :

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Vật liệu chịu lửa, gạch chịu lửa, sơn, gỗ cây, gỗ chế biến, đá ốp lát, thiết bị vệ sinh và các thiết bị, vật liệu xây dựng khác.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại hàng hóa và dịch vụ xây lắp.

5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

6. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ:** Không có.

7. **Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026:** 23 nhân viên (số đầu năm 23 nhân viên)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tổ 5, Phường Gia Sàng, Tỉnh Thái Nguyên và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DHM – Chi nhánh Hà Nội	Số 1, ngõ 30, phố Nghĩa Đô, Phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội, Việt Nam.
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DHM – Chi nhánh Hồ Chí Minh	Tầng 8, Tòa nhà Koastal Building, số 92F Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DHM – Chi nhánh Quảng Nam (1)	Đội 10, thôn Quý Phước, Xã Thăng Bình, Thành phố Đà Nẵng.
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DHM – Chi nhánh Đà Nẵng	Lô 1A14-6 và lô 02A14-6 Khu dân cư Bắc Tượng Đài, đường 2/9, Phường Hòa Cường, TP Đà Nẵng, Việt Nam

(1) Đơn vị đã đăng ký tạm dừng hoạt động từ ngày 31/12/2025 đến hết ngày 30/12/2026 theo Giấy xác nhận về việc chi nhánh đăng ký tạm ngừng kinh doanh số 135445/25 ngày 25/12/2025 của Phòng Doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh sở Tài chính thành phố Đà Nẵng.

9. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:

Như đã trình bày tại Thuyết minh III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 27/10/2025.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 27/10/2025.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD, EUR.

Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái để ghi sổ kế toán cho các giao dịch kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ:

- Khi mua, bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi); Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

- Áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình hoặc tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày giao dịch của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo chênh lệch không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày giao dịch:

a) Trường hợp doanh nghiệp có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ nhưng trong hợp đồng không quy định tỷ giá hối đoái cụ thể, doanh nghiệp sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế để ghi sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ cho từng trường hợp như sau:

+ Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Riêng trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước tiền của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu, thu nhập).

+ Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ khoản chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phân bổ chi phí).

+ Các tài khoản phản ánh tài sản. Riêng trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận tài sản).

+ Bên Nợ các Tài khoản vốn bằng tiền hoặc các tài sản khác; Bên Nợ các Tài khoản phải thu; Bên Nợ các Tài khoản phải trả khi phát sinh giao dịch trả trước tiền cho người bán.

+ Bên Có các TK phải trả; Bên Có các Tài khoản phải thu khi phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua;

+ Các tài khoản loại vốn chủ sở hữu;

b) Trường hợp doanh nghiệp sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ ra đồng tiền ghi sổ kế toán thì doanh nghiệp được sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế đó để hạch toán cho cả bên Nợ và bên Có của Tất cả các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

- Áp dụng tỷ giá ghi sổ bao gồm tỷ giá ghi sổ đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Căn cứ vào đặc điểm và yêu cầu quản lý của đơn vị, các doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng tỷ giá ghi sổ để ghi sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ cho từng khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sau đây:

+ Bên Có các Tài khoản vốn bằng tiền hoặc các tài sản khác;

+ Bên Có các Tài khoản phải thu (ngoại trừ giao dịch nhận trước tiền của người mua);

+ Bên Nợ Tài khoản phải thu khi tất toán khoản tiền nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu; Bên Có các Tài khoản ký quỹ, ký cược, chi phí chờ phân bổ;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

+ Bên Nợ các Tài khoản phải trả (ngoại trừ giao dịch trả trước tiền cho người bán); Bên Có Tài khoản phải trả khi tất toán khoản tiền ứng trước cho người bán khi nhận được sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.

- Xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ

Công ty áp dụng tỷ giá hối đoái để hạch toán các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

- Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty thực hiện đánh giá lại số dư tất cả các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Riêng số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ, Công ty thực hiện đánh giá lại số dư tất cả các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi. Công ty không thực hiện đánh giá lại đối với một phần hoặc toàn bộ giá trị nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

- Tất cả chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ đều được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ phải trình bày vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua. Các chi phí giao dịch nếu có được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau: Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.... giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc được xác định theo giá trị thực tế của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản cho vay được ghi nhận là số hiện có của các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tồn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Sản phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5
Tài sản cố định khác	10 – 20

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

- Quyền sử dụng đất tại thôn 7, xã Hải Tiến, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là 37 năm.
- Quyền sử dụng đất không thời hạn tại Khu công viên Bắc Tượng Đài, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng không phải trích khấu hao.

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Cơ sở hạ tầng	50

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 – Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản này tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 do chưa tìm được đơn vị tư vấn phù hợp, Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư này trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

10. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Doanh nghiệp) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Các chi phí chờ phân bổ chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí chờ phân bổ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan số cổ tức, lợi nhuận phải trả (bằng tiền, các tài sản phi tiền tệ) và tình hình thanh toán khoản cổ tức, lợi nhuận phải trả bằng tiền cho các cổ đông, thành viên góp vốn của Công ty.

Thời điểm Công ty ghi nhận khoản phải trả về cổ tức, lợi nhuận là thời điểm doanh nghiệp không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, thành viên góp vốn của Công ty theo quy định của pháp luật liên quan. Việc xác định thời điểm và việc chi trả cổ tức, lợi nhuận thực hiện như sau:

- Đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán thì thời điểm bên nhận đầu tư không có quyền từ chối chi trả cổ tức được căn cứ theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

- Đối với các doanh nghiệp còn lại thì thời điểm bên nhận đầu tư không có quyền từ chối chi trả cổ tức được căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của doanh nghiệp.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn.

Vốn khác thuộc chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ý chứng khoán được xác lập.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê hoạt động phải được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động được theo dõi theo thời gian đã thanh toán.

Tiền lãi

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì công ty được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khỏi lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

22. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. **Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.327.931.345	1.293.825.014
Vàng tiền tệ	-	30.600.000.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	18.812.128.233	73.526.793.949
Cộng	20.140.059.578	105.420.618.963

(*) Chi tiết các khoản tiền gửi không kỳ hạn:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên	5.094.719.810	65.107.553.121
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Thái Nguyên	11.584.043.822	-
Các ngân hàng khác	2.133.364.601	8.419.240.828
Cộng	18.812.128.233	73.526.793.949

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**2. Các khoản đầu tư tài chính****a, Chứng khoán kinh doanh**

Chi tiết Chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh:

	Số cuối kỳ				Số đầu năm			
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	11.818.352	88.208.895.568	77.624.507.685	(10.584.387.883)	11.757.252	88.155.950.483	77.811.221.500	(10.344.728.983)
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TIS)	9.086.090	53.684.781.360	43.370.936.267	(10.313.845.093)	9.086.090	53.684.781.360	43.461.797.167	(10.222.984.193)
Công ty Cổ phần B.C.H (BCA)	2.270.562	31.852.585.418	31.852.585.418	-	2.103.062	28.982.162.918	28.982.162.918	-
Công ty Cổ phần Phát hành sách Thái Nguyên (STH)	-	-	-	-	146.400	3.039.477.415	3.039.477.415	-
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNE)	461.700	2.671.528.790	2.400.986.000	(270.542.790)	421.700	2.449.528.790	2.327.784.000	(121.744.790)
Cộng	11.818.352	88.208.895.568	77.624.507.685	(10.584.387.883)	11.757.252	88.155.950.483	77.811.221.500	(10.344.728.983)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	(10.344.728.983)
Trích lập dự phòng bổ sung	(239.658.900)
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối kỳ	(10.584.387.883)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**b, Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	91.142.283.014	136.695.452.907
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.734.444.376	1.457.637.966
Cho vay (**)	1.600.000.000	1.600.000.000
Lãi cho vay	103.627.397	34.191.781
Cộng	94.580.354.787	139.787.282.654

(*) Là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 đến 12 tháng đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam:

- Hợp đồng tiền gửi số AZ-0-95-71245-26-963 mang tên Công ty Cổ phần Thương mại & Khoáng sản Dương Hiếu tại Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên ngày 03/04/2024, số tiền 20.000.000.000 VND thời hạn 12 tháng. Tài sản này đang được cầm cố tại Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng cầm cố tài sản số 200256.24.090.491629.BD ngày 04/04/2024 để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 414942.26.090.491629.TD ngày 10/05/2026. Hợp đồng tự động tái tục khoản gốc.

- Hợp đồng tiền gửi số 14295.24.090.491629.TG.DN mang tên Công ty Cổ phần Thương mại & Khoáng sản Dương Hiếu tại Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên ngày 06/12/2024, số tiền 38.000.000.000 VND thời hạn 06 tháng. Tài sản này đang được cầm cố tại Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng cầm cố tài sản số 265935.24.090.491629.BD ngày 09/12/2024 để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 414942.26.090.491629.TD ngày 10/05/2026. Hợp đồng tự động tái tục khoản gốc.

- Sổ tiết kiệm số AAE0141137 ngày 04/10/2023, số tiền 33.142.283.014 VND kỳ hạn 12 tháng đứng tên bà Nguyễn Thị Dung. Tài sản này đang được cầm cố tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Thái Nguyên.

(**) Là khoản phải thu về cho vay ông Lê Đăng Hưng theo hợp đồng vay vốn số 2307/2025/HĐGVKD/DHM-LĐH ngày 24 tháng 7 năm 2025, hạn mức cho vay không quá số tiền 1.840.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay để mua mặt bằng nhà xưởng, máy móc thiết bị cần thiết cho mục đích kinh doanh chế biến gỗ băm, gỗ bóc. Thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay 7,5%/ tháng (đối với năm 2025), các năm tiếp theo sẽ thay đổi bằng các văn bản thay đổi lãi suất. Tài sản đảm bảo thế chấp là:

- Nhà điều hành, nhà xưởng và hệ thống băng tải điện
- Hệ thống sàng rung
- Máy băm dăm
- Trạm biến áp 250kva
- Máy bóc vỏ keo
- Máy gập gỗ và bàn cân 40 tấn

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các khách hàng khác	269.846.707.920	555.418.621.286
Công ty TNHH thương mại Dịch Sơn	10.186.743.131	10.186.743.131
Công ty TNHH Một Thành viên Quang Huy	-	3.374.079.600
Công ty Cổ phần B.C.H	170.026.214.737	471.826.826.485
Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên	22.665.267.867	15.273.657.312
Công ty Cổ phần Thép Toàn Thắng	7.580.924.422	11.127.963.664
Các khách hàng khác	59.387.557.763	43.629.351.094
Cộng	269.846.707.920	555.418.621.286

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán khác	115.918.432.237	17.270.296.583
Công ty TNHH Trung Thành Thái Nguyên	-	10.641.456.000
Ông Nguyễn Quốc Thái (*)	111.000.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	4.918.432.237	6.628.840.583
Cộng	115.918.432.237	17.270.296.583

(*) Là khoản tiền ứng trước mua bất động sản theo theo các biên bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/03/2026 giữa ông Nguyễn Quốc Thái và Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu. Tổng giá trị chuyển nhượng các tài sản trên là 113.276.505.000 VND. (chi tiết xem ở thuyết minh V.5).

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	29.206.835.197	-	37.500.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Ký quỹ đảm bảo tài sản	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Dung - Ký quỹ đảm bảo tài sản	19.206.835.197	-	27.500.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.713.387.134	-	87.895.953.711	-
Công ty Cổ phần Khai thác Luyện Kim Bắc Việt (1)	-	-	87.800.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	24.000.000	-	24.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.689.387.134	-	71.953.711	-
Cộng	30.920.222.331	-	125.395.953.711	-

(1) Là khoản phải thu của Công ty Cổ phần Khai khoáng Luyện kim Bắc Việt theo nghị quyết số 16/2024/NQ-HDQT ngày 23/12/2024 về việc: “Hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng đất Bắc Trà My; Đăng ký tạm dừng hoạt động đối với chi nhánh Quảng Nam” và Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký tại văn phòng công chứng Trương Công Vũ, địa chỉ: Số 90 Trần Phú, Khối phố Mỹ Thạch Trung, Phường Hòa Thuận, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, ngày 25/12/2024. Theo đó, Công ty thanh lý Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/03/2021 đối với thửa đất số 365, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: tổ Mậu Cà, thị trấn Trà My, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam do không thể thực hiện được thủ tục sang tên quyền sử dụng đất.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết xem tại phụ lục 01. Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	(10.321.373.631)
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối kỳ	(10.321.373.631)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	116.716.769	-	116.716.769	-
Công cụ, dụng cụ	199.035.500	-	199.035.500	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.971.939.049	-	1.908.045.860	-
Hàng hóa	93.917.622.235	-	21.216.724.301	-
Cộng	98.205.313.553	-	23.440.522.430	-

8. Chi phí chờ phân bổ**a) Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	1.092.262.123	350.528.912
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	8.200.926	22.060.304
Cộng	1.100.463.049	372.589.216

b) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	99.626.228	151.333.017
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	501.370.926	597.275.882
Cộng	600.997.154	748.608.899

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	10.060.918.934	7.129.976.996	2.332.427.273	120.357.745	1.142.976.359	20.786.657.307
Số cuối kỳ	10.060.918.934	7.129.976.996	2.332.427.273	120.357.745	1.142.976.359	20.786.657.307
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	311.201.691	806.275.218	2.332.427.273	120.357.745	56.750.000	3.627.011.927
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	8.143.590.244	4.987.954.255	2.332.427.273	120.357.745	758.417.163	16.342.746.680
Khấu hao trong kỳ	384.799.686	378.212.166	-	-	27.155.658	790.167.510
Số cuối kỳ	8.528.389.930	5.366.166.421	2.332.427.273	120.357.745	785.572.821	17.132.914.190
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.917.328.690	2.142.022.741	-	-	384.559.196	4.443.910.627
Số cuối kỳ	1.532.529.004	1.763.810.575	-	-	357.403.538	3.653.743.117

Một số tài sản cố định có nguyên giá là 859.636.364 VND và đã khấu hao hết đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lưu Xá.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*)	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	89.783.584.720	213.000.000	4.895.901.444	94.892.486.164
Số cuối kỳ	89.783.584.720	213.000.000	4.895.901.444	94.892.486.164
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	19.335.991.179	182.485.018	493.749.914	20.012.226.111
Khấu hao trong kỳ	726.830.358	19.166.664	520.503.516	1.266.500.538
Số cuối kỳ	20.062.821.537	201.651.682	1.014.253.430	21.278.726.649
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	70.447.593.541	30.514.982	4.402.151.530	74.880.260.053
Số cuối kỳ	69.720.763.183	11.348.318	3.881.648.014	73.613.759.515

(*) Quyền sử dụng đất không thời hạn tại Khu công viên Bắc Tượng Đài, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng với nguyên giá là 35.513.584.720 VND đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Thái Nguyên.

11. Bất động sản đầu tư

	Cơ sở hạ tầng (*)	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	32.165.768.852	32.165.768.852
Số cuối kỳ	32.165.768.852	32.165.768.852
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	2.024.783.478	2.024.783.478
Khấu hao trong kỳ	322.104.582	322.104.582
Số cuối kỳ	2.346.888.060	2.346.888.060
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	30.140.985.374	30.140.985.374
Số cuối kỳ	29.818.880.792	29.818.880.792

(*) Là giá trị công trình xây dựng tạm tính tại Lô đất số 1+2A14-6 Khu Công viên Bắc Tượng Đài, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 – Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30/06/2026 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30/06/2026 chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**12. Xây dựng cơ bản dở dang dài hạn**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	112.369.079.692	-	(5.404.815.870)	107.039.078.636
Dự án CROWN VILLAS (1)	105.164.379.692	-	(5.404.815.870)	99.759.563.822
Dự án Cosy City Beat (2)	7.204.700.000	74.814.814	-	7.279.514.814
Cộng	112.369.079.692	74.814.814	(5.404.815.870)	107.039.078.636

(1) Là khoản mua các căn hộ theo các hợp đồng mua bán nhà ở riêng lẻ như sau:

Căn hộ	Số hợp đồng	Vị trí nhà ở	Giá trị hợp đồng
LK1-19	LK1-19/2024/HĐMB/CROW NVILAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 788, Tờ bản đồ số 13	5.919.943.857
LK5-22	LK5-22/2024/HĐMB/CROW NVILAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 816, Tờ bản đồ số 13	5.919.943.857
LK7-08	LK7-08/2024/HĐMB/CROW NVILAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 1114, Tờ bản đồ số 13	5.763.319.566
LK10-32	LK10-32/2024/HĐMB/CROW NVILAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 1310, Tờ bản đồ số 13	6.874.072.528
LK10-36	LK10-36/2024/HĐMB/CROW NVILAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 1314, Tờ bản đồ số 13	6.874.072.528
LK10-37	LK10-37/2024/HĐMB/CROW NVILAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 1315, Tờ bản đồ số 13	6.874.072.528
LK10-38	LK10-38/2024/HĐMB/CROW NVILAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 1316, Tờ bản đồ số 13	6.874.072.528
LK10-39	LK10-39/2024/HĐMB/CROWN VILAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 1317, Tờ bản đồ số 13	6.874.072.528
LK11-05	LK11-05/2024/HĐMB/CROW NVILAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 1356, Tờ bản đồ số 13	7.138.805.567
SH3-01	SH3-01/2024/HĐMB/CROW NVILAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 1081, Tờ bản đồ số 13	14.342.317.648
SH3-20	SH3-20/2024/HĐMB/CROW NVILAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 1062, Tờ bản đồ số 13	8.852.127.675
SHV3-23	SHV3-23/2024/HĐMB/CROW NVILAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 1174, Tờ bản đồ số 13	13.378.470.742
SHV3-24	SHV3-24/2024/HĐMB/CROW NVILAS	Số 586, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên; Thửa số 1175, Tờ bản đồ số 13	13.378.470.742

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đến ngày 30/06/2026, Các căn hộ đang thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

(2) Là khoản mua bán nhà ở theo Hợp đồng chuyển nhượng số LK1-08/2025/HĐMB/KOSY CITY BEAT ngày 31/12/2025, cụ thể lô đất LK-01-08, thửa đất số 794, tờ bản đồ 21, địa chỉ: Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 391,09 m². Giá chuyển nhượng là 7.200.000.000 đồng.

Đến ngày 30/06/2026, lô đất đang thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	175.944.521	(115.336.613)	60.607.908	175.944.521	(115.336.613)	60.607.908
Công ty Cổ phần Thép Việt Ý	175.944.521	(115.336.613)	60.607.908	175.944.521	(115.336.613)	60.607.908
Cộng	175.944.521	(115.336.613)	60.607.908	175.944.521	(115.336.613)	60.607.908

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(115.336.613)	(115.336.613)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Số cuối kỳ	(115.336.613)	(115.336.613)

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lãi do bán tài sản cố định giữa văn phòng và chi nhánh, Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	21.043.906	32.710.574
Số phân bổ trong kỳ	(5.833.334)	(11.666.668)
Số cuối kỳ	15.210.572	21.043.906

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác	66.406.297.306	321.488.550.218
Công ty Cổ Phần Thương Mại Thái Hưng	51.691.690.943	190.736.695.682
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dê vàng	510.277.766	730.819.801
Itochu Singapore Pte Ltd	-	109.327.389.600
Các nhà cung cấp khác	14.204.328.597	20.693.645.135
Cộng	66.406.297.306	321.488.550.218

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>63.294.271.401</i>	<i>12.518.835.610</i>
Công ty TNHH Natsteelvina	60.261.312.750	10.643.207.700
Các khách hàng khác	3.032.958.651	1.875.627.910
Cộng	63.294.271.401	12.518.835.610

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.008.708.833	-	5.528.764.667	(3.764.220.734)	2.773.252.766	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.141.945	642.491.521	(642.491.521)		1.141.945
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	119.102.040	(119.102.040)	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.018.577.190	-	379.790.536	(2.244.347.381)	154.020.345	
Thuế thu nhập cá nhân	256.240.981	-	737.682.632	(129.457.458)	864.466.155	
Các loại thuế khác	-	-	5.600.000	(5.600.000)	-	
Cộng	3.283.527.004	1.141.945	7.413.431.396	(6.905.219.134)	3.791.739.266	1.141.945

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>41.156.112</i>	<i>228.000.000</i>
Phải trả thù lao HĐQT, BKS	41.156.112	228.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>576.264.510</i>	<i>620.436.969</i>
Chi phí lãi vay phải trả	576.264.510	620.436.969
Cộng	617.420.622	848.436.969

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>51.828.082</i>	<i>140.913.799.510</i>
Kinh phí công đoàn	18.708.082	9.608.890
Bảo hiểm xã hội	26.392.500	-
Bảo hiểm y tế	4.657.500	-
Bảo hiểm thất nghiệp	2.070.000	-
Phải trả tiền mua chứng khoán	-	1.226.749.620
Phải trả LC mua hàng	-	33.000.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	-	106.677.441.000
Cộng	51.828.082	140.913.799.510

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>446.239.953.278</i>	<i>446.239.953.278</i>	<i>424.701.543.615</i>	<i>424.701.543.615</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lưu Xá (1)	30.200.000.000	30.200.000.000	58.990.000.000	58.990.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Thái Nguyên (2)	219.288.660.203	219.288.660.203	212.894.110.007	212.894.110.007
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Thái Nguyên (3)	196.751.293.075	196.751.293.075	152.817.433.608	152.817.433.608
Cộng	446.239.953.278	446.239.953.278	424.701.543.615	424.701.543.615

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lưu Xá theo hợp đồng số 01/2025-HĐCVHM/NHCT224-DUONGHIEU ngày 06/11/2025 với hạn mức vay là 40.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 30/10/2026 và hợp đồng cho vay từng lần số 01/2025-HĐCVTL/NHCT224-DUONGHIEU ngày 06/11/2025 với hạn mức không vượt quá 19.000.000.000 VND, thời hạn cho vay là 04 tháng kể từ ngày giải ngân, mục đích vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bởi:

- Hợp đồng thế chấp số 1509/2022/HĐBĐ/NHCT224-CL153209 ngày 20/09/2022.
- Hợp đồng thế chấp số 2203/2023/HĐBĐ/NHCT224-M193784 ngày 20/04/2023.
- Hợp đồng thế chấp số 07042017 ngày 10/04/2017.

(2) Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/469052/HĐTD ký ngày 02/04/2025; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2025/469052/HĐTD ngày 27/03/2026 gia hạn thời hạn cấp hạn mức: Đến khi hạn mức tín dụng ngắn hạn năm 2026-2027 được phê duyệt nhưng không quá 30/06/2026. Hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa: 300.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Thời gian cho vay và lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khoản vay được đảm bảo bởi:

- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 11/2023/469052/HĐBĐ ngày 31/08/2023.
- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 23/2023/469052/HĐBĐ ngày 06/10/2023.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2023/469052/HĐBĐ ngày 29/08/2023.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 05/2023/469052/HĐBĐ ngày 29/08/2023.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 06/2023/469052/HĐBĐ ngày 29/08/2023.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 08/2023/469052/HĐBĐ ngày 29/08/2023.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 09/2023/469052/HĐBĐ ngày 31/08/2023.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 10/2023/469052/HĐBĐ ngày 31/08/2023.
- Hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số 13/2023/469052/HĐBĐ tháng 09/2023.
- Hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số 14/2023/469052/HĐBĐ tháng 09/2023.
- Hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số 15/2023/469052/HĐBĐ tháng 09/2023.
- Hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số 16/2023/469052/HĐBĐ tháng 09/2023.
- Hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số 18/2023/469052/HĐBĐ tháng 09/2023.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 19/2023/469052/HĐBĐ ngày 20/09/2023.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 20/2023/469052/HĐBĐ ngày 20/09/2023.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 21/2023/469052/HĐBĐ ngày 20/09/2023.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 22/2023/469052/HĐBĐ ngày 20/09/2023.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 25/2023/469052/HĐBĐ ngày 12/12/2023.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 27/2023/469052/HĐBĐ ngày 12/12/2023.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 28/2023/469052/HĐBĐ ngày 12/12/2023.

(3) Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng cấp tín dụng số 414942.26.090.491629.TD ngày 10/05/2026, thời hạn duy trì hạn mức cho tới ngày 10/05/2027 với hạn mức 310.000.000.000 đồng; Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại thép, phôi thép, nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất thép (vật liệu chịu lửa, các loại than, quặng) và thiết bị điện. Thời hạn mỗi khoản tín dụng không vượt quá 05 tháng.

Tài sản bảo đảm khoản vay chi tiết như sau:

- Bất động sản tại Khu công viên Bắc Tượng Đài, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 431744, sổ vào sổ cấp GCN: CH01303 do UBND Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng cấp ngày 09/05/2011; Bất động sản tại Khu công viên Bắc Tượng Đài, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 556590, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: H12854 do UBND Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng cấp ngày 26/12/2007. Tài sản thế chấp thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu. Giá trị tài sản đảm bảo theo Báo cáo kết quả tư vấn thẩm định tài sản số 25.179.320.AMC.0.H ngày 26/03/2026 là 113.751.883.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Hợp đồng tiền gửi số AZ-0-95-71245-26-963 ngày 03/04/2024, số tiền 20.000.000.000 VND thời hạn 12 tháng.

- Hợp đồng tiền gửi số 14295.24.090.491629.TG.DN ngày 06/12/2024, số tiền 38.000.000.000 VND thời hạn 06 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	424.701.543.615	813.496.363.371	(791.957.953.708)	446.239.953.278
Cộng	424.701.543.615	813.496.363.371	(791.957.953.708)	446.239.953.278

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích quỹ trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.212.540.273	-	(438.020.000)	774.520.273
Số cuối kỳ	1.212.540.273	-	(438.020.000)	774.520.273

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**22. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	313.961.800.000	(143.500.000)	31.017.818.426	10.410.244.549	355.246.362.975
Tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	31.395.190.000	-	(31.017.818.426)	(377.371.574)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	5.758.919.736	5.758.919.736
Số dư cuối năm trước	345.356.990.000	(143.500.000)	-	15.791.792.711	361.005.282.711
Số dư đầu năm nay	345.356.990.000	(143.500.000)	-	15.791.792.711	361.005.282.711
Chi trả cổ tức lợi nhuận	-	-	-	(15.541.064.550)	(15.541.064.550)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	104.765.861	104.765.861
Số dư cuối kỳ này	345.356.990.000	(143.500.000)	-	355.494.022	345.568.984.022

(*) Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 28 tháng 04 năm 2026

b) Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.535.699	34.535.699
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	34.535.699	34.535.699
- Cổ phiếu phổ thông	34.535.699	34.535.699
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.535.699	34.535.699
- Cổ phiếu phổ thông	34.535.699	34.535.699
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.919.348.718.628	986.983.937.306
+ Doanh thu bán hàng hóa	1.911.943.906.394	984.527.265.588
+ Doanh thu cho thuê Bất động sản	1.999.996.364	2.456.671.718
+ Doanh thu bán bất động sản	5.404.815.870	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	(8.894.000)	-
+ Hàng bán bị trả lại	(8.894.000)	-
Doanh thu thuần	1.919.339.824.628	986.983.937.306

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.887.963.649.903	973.062.080.748
Giá vốn của dịch vụ cho thuê Bất động sản	322.104.582	326.025.342
Giá vốn bán Bất động sản	5.404.815.870	-
Cộng	1.893.690.570.355	973.388.106.090

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.471.758.520	4.054.481.006
Lãi đầu tư chứng khoán kinh doanh	195.505.400	426.039.701
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	728.000.000	8.362.636
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	6.940.000.000
Cộng	4.395.263.920	11.428.883.343

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	15.600.103.655	14.871.091.440
Lỗ đầu tư chứng khoán kinh doanh	120.750.315	1.046.759.919
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	888.600.000	-
Lỗ bán vàng tiền tệ	6.888.109.091	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.335.252.845
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	239.658.900	4.624.203.040
Chi phí tài chính khác	34.813.135	40.254.052
Cộng	23.772.035.096	21.917.561.296

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	563.385.000	496.305.385
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.666.668	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	691.400.971	498.732.902
Cộng	1.271.452.639	995.038.287

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.384.638.265	1.298.136.505
Chi phí đồ dùng văn phòng	490.127.668	363.405.737
Chi phí khấu hao tài sản cố định	743.686.026	761.345.721
Thuế, phí và lệ phí	-	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	370.784.606	556.207.773
Các chi phí khác	1.092.947.829	2.338.018.422
Cộng	4.082.184.394	5.321.114.158

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý nhượng bán tài sản cố định	-	18.181.818
Tiền thưởng hợp đồng	157.616.000	44.508.183
Thu nhập khác	169.406.689	-
Cộng	327.022.689	62.690.001

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt thuế, chậm nộp thuế	-	10.948.230
Chi phí khấu hao tài sản cố định FSC vỡ nhai	569.484.996	-
Chi phí khác	185.994.026	10.921.102
Cộng	755.479.022	21.869.332

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	490.389.731	(3.168.178.513)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.408.562.948	674.953.258
<i>Phạt chậm nộp thuế</i>	-	10.948.230
<i>Chi phí loại trừ khác</i>	1.437.729.614	693.171.694
Các khoản điều chỉnh giảm	(29.166.666)	(29.166.666)
<i>Chi phí Khấu hao TSCĐ giao dịch nội bộ</i>	(29.166.666)	(29.166.666)
Thu nhập chịu thuế	1.898.952.679	(2.493.225.255)
Lỗi các năm trước được chuyển		-
Thu nhập tính thuế	1.898.952.679	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	379.790.536	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	379.790.536	-

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	104.765.861	(3.174.011.847)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	104.765.861	(3.174.011.847)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	34.535.699	34.535.699
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3,03	(91,91)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	34.535.699	34.535.699
Ảnh hưởng của việc bán cổ phiếu quỹ	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tăng trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	34.535.699	34.535.699

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	2.084.470.486	1.953.152.533
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	492.516.304	365.794.373
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.378.772.630	1.801.901.421
Thuế, phí lệ phí	-	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.987.242.909	1.223.920.661
Chi phí khác	1.092.947.829	2.341.573.978
Cộng	9.035.950.158	7.690.342.966

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Chi tiết giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau.

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Bà Nguyễn Thị Dung - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		
Thu lại tiền ký quỹ	8.293.164.803	-
Thu hoàn số tiết kiệm	2.700.000.000	1.600.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (Tiền lương, Thù lao HĐQT, BKS) trong năm như sau:

Họ và tên	Chức Vụ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	72.000.000	72.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	Kế toán trưởng	151.641.240	132.600.000
Tổng cộng		223.641.240	204.600.000

Công nợ với cá nhân có liên quan được trình bày tại Thuyết minh số V.5.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cam kết bảo lãnh

Ngoài ra, Bà Nguyễn Thị Dung, Bà Nguyễn Thị Hồng Loan còn dùng quyền sử dụng đất và thẻ tiết kiệm thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lưu Xá và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Thái Nguyên. Cụ thể:

+ Quyền sử dụng đất:

Số thửa đất	Diện tích	Địa chỉ	Thuộc sở hữu	Giá trị TSDB
Số 620, tờ bản đồ số 19	232m ²	Phường Gia Sàng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Bà Nguyễn Thị Dung và ông Phạm Chí Dũng	9.145.000.000
Số 403, tờ bản đồ số 13	1.268m ²	Phường Gia Sàng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Bà Nguyễn Thị Hồng Loan và ông Văn Tiến Đức	15.719.000.000

+ Thẻ tiết kiệm

Thẻ tiết kiệm	Ngày phát hành	Đơn vị phát hành	Thuộc sở hữu	Giá trị
AAD 1910475	21/08/2023	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Thái Nguyên	Bà Nguyễn Thị Dung	5.000.000.000

+ Thẻ chấp cổ phiếu niêm yết

+ Bà Nguyễn Thị Dung thẻ chấp 6.945.554 cổ phiếu DHM mệnh giá 6.300 VND.

+ Ông Trịnh Gia Tùng thẻ chấp 2.560.360 cổ phiếu DHM mệnh giá 6.300 VND.

+ Ông Trương Quang Thắng thẻ chấp 1.742.070 cổ phiếu DHM mệnh giá 6.300 VND.

b. Bên liên quan khác

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch và số dư với bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

2. Thông tin về bộ phận

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ;
- Lĩnh vực cho thuê, kinh doanh bất động sản đầu tư;

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh

	Lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.911.935.012.394	7.404.812.234	1.919.339.824.628
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.911.935.012.394	7.404.812.234	1.919.339.824.628
Chi phí bộ phận	(1.887.963.649.903)	(5.726.920.452)	(1.893.690.570.355)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	23.971.362.491	1.677.891.782	25.649.254.273
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(5.353.637.033)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			20.295.617.240
Doanh thu hoạt động tài chính			4.395.263.920
Chi phí tài chính			(23.772.035.096)
Thu nhập khác			327.022.689
Chi phí khác			(755.479.022)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(379.790.536)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(5.833.334)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			104.765.861
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	81.743.258	-	81.743.258
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.211.208.237	322.104.582	2.533.312.819

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ	Lĩnh vực cho thuê, kinh doanh bất động sản	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	438.926.794.520	141.808.668.983	580.735.463.503
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			346.249.172.771
Tổng tài sản			926.984.636.274
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	128.700.568.707	1.000.000.000	129.700.568.707
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			451.715.083.545
Tổng nợ phải trả			581.415.652.253
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	665.034.817.198	30.238.405.524	695.273.222.722
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			575.427.847.162
Tổng tài sản			1.270.701.069.884
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	333.007.385.828	1.000.000.000	334.007.385.828
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			575.688.401.345
Tổng nợ phải trả			909.695.787.174



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền. (trình bày chính sách quản lý rủi ro thanh khoản)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	446.239.953.278	-	-	446.239.953.278
Phải trả người bán	66.406.297.306	-	-	66.406.297.306
Các khoản phải trả khác	962.293.410	-	-	962.293.410
Cộng	513.608.543.994	-	-	513.608.543.994
Số đầu năm				
Vay và nợ	424.701.543.615	-	-	424.701.543.615
Phải trả người bán	321.488.550.218	-	-	321.488.550.218
Các khoản phải trả khác	141.922.287.180	-	-	141.922.287.180
Cộng	888.112.381.013	-	-	888.112.381.013

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.140.059.578	105.420.618.963	20.140.059.578	105.420.618.963
Chứng khoán kinh doanh	77.624.507.685	77.811.221.500	77.624.507.685	77.811.221.500
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	94.640.962.695	139.787.282.654	94.640.962.695	139.787.282.654
Phải thu khách hàng	259.525.334.289	545.097.247.655	259.525.334.289	545.097.247.655
Các khoản phải thu khác	30.920.222.331	125.395.953.711	30.920.222.331	125.395.953.711
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	60.607.908	60.607.908	60.607.908	60.607.908
Cộng	482.911.694.486	993.572.932.391	482.911.694.486	993.572.932.391
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	446.239.953.278	424.701.543.615	446.239.953.278	424.701.543.615
Phải trả người bán	66.406.297.306	321.488.550.218	66.406.297.306	321.488.550.218
Các khoản phải trả khác	962.293.410	141.922.287.180	962.293.410	141.922.287.180
Cộng	513.608.543.994	888.112.381.013	513.608.543.994	888.112.381.013

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp một số tài sản để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lưu Xá, ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Thái Nguyên và Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh (xem thuyết minh số V.9, V.10, V.11).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của bên thứ ba cho đơn vị khác

Công ty đã dùng các tài sản thuộc sở hữu của bên thứ ba để thế chấp cho các khoản vay tại Công ty. Cụ thể:

	Giá trị tài sản thế chấp
Các quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng (Chi tiết tại thuyết minh số V. 20)	91.531.009.600
1.650.110 cổ phiếu DHM thuộc sở hữu của ông Đỗ Quang Kiên	10.395.693.000
1.724.129 cổ phiếu DHM thuộc sở hữu của ông Lê Thanh Tuấn	10.862.012.700
Sổ tiết kiệm AAD 1910475 thuộc sở hữu của Bà Nguyễn Thị Dung	5.000.000.000
Quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Bà Nguyễn Thị Dung và Ông Phạm Chí Dũng (Chi tiết thuyết minh số V.20)	9.145.000.000
Quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Ông Văn Tiến Đức và bà Nguyễn Thị Hồng Loan (Chi tiết thuyết minh số V.20)	15.719.000.000
Cộng	142.652.715.300

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại Hà Nội.

Số liệu so sánh các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Như đã trình bày tại Thuyết minh III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Do đó Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025 chi tiết điều chỉnh như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu sau điều chỉnh
Báo cáo tình hình tài chính			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	136.695.452.907	139.787.282.654
Phải thu ngắn hạn khác	135	126.887.783.458	125.395.953.711

Lập ngày 14 tháng 08 năm 2026



Lê Thị Mai Anh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Loan
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Dung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DHM

Địa chỉ: Tổ 5, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	10.321.373.631	(10.321.373.631)	-	10.321.373.631	(10.321.373.631)
Công ty Cổ phần Việt Nhật Sản xuất và Thương Mại	Quá hạn trên 3 năm	75.468.100	(75.468.100)	Quá hạn trên 3 năm	75.468.100	(75.468.100)
Công ty TNHH Thương mại Dịch Sơn	Quá hạn trên 3 năm	10.186.743.131	(10.186.743.131)	Quá hạn trên 3 năm	10.186.743.131	(10.186.743.131)
Công ty TNHH Thiên Bình An	Quá hạn trên 3 năm	59.162.400	(59.162.400)	Quá hạn trên 3 năm	59.162.400	(59.162.400)
Cộng		<u>10.321.373.631</u>	<u>(10.321.373.631)</u>		<u>10.321.373.631</u>	<u>(10.321.373.631)</u>